

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1218/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thí điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN ngày 06/5/2011 về việc phê duyệt “Đề án thí điểm xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng”;

Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thí điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng - nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao và có khả năng phát triển các sản phẩm dự kiến tạo ra theo Danh mục nội dung trọng tâm thuộc các lĩnh vực nghiên cứu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này, người chủ trì thực hiện không quá 45 tuổi, làm việc tại tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường đại học, học viện, trường cao đẳng, doanh nghiệp.

Điều 2. Việc thí điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được triển khai trong năm 2011.

Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và không quá 1000 triệu đồng cho mỗi nhiệm vụ.

Điều 3. Quy trình xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng và xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Tiêu chí đánh giá để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

Việc kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được thực hiện theo quy định riêng.

Điều 4. Giao Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên:

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng theo đúng quy trình quy định tại Điều 3;

2. Tổ chức thành lập và xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng, Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

3. Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt: Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng; Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT, VPCTTĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Việt Thanh

**DANH MỤC
CÁC NỘI DUNG NGHIÊN CỨU TRỌNG TÂM THEO LĨNH VỰC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1218/QĐ-BKHCN ngày 9 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thí điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng)

I. Lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông

1. Các giải pháp phù hợp trong việc xây dựng hệ thống giao thông thông minh và truyền hình kỹ thuật số.
2. Các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông quan trọng có quy mô triển khai trên cả nước.
3. Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông mới, tiên tiến trong các lĩnh vực: an toàn và an ninh thông tin ở mức độ cao, nhận dạng chữ viết, hình ảnh và âm thanh, cử chỉ, chuyển động, ý nghĩ, đặc biệt là tìm kiếm và xử lý tiếng Việt, tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao, tính toán đám mây, giao thông thông minh, hệ thống định vị toàn cầu cùng với hệ thống tin địa lý, nhận dạng tần số vô tuyến, Web thế hệ mới.
4. Các công nghệ, sản phẩm, và dịch vụ chủ yếu cho việc xây dựng mạng thế hệ sau, truyền hình số mặt đất, truyền hình số vệ tinh cùng các thiết bị đầu cuối.
5. Công nghệ, và sản phẩm tạo nền tảng cho công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là vi mạch điện tử, hệ điều hành cho thiết bị chuyên dụng và thiết bị di động.

II. Lĩnh vực vật liệu mới

1. Các công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất:
 - Thép hợp kim phục vụ ngành đóng tàu (thép vỏ tàu, chế tạo động cơ, chân vịt tàu thủy);
 - Thép hợp kim cường độ cao dùng trong các công trình xây dựng, giao thông (cầu, đường, nhà cao tầng);
 - Thép hợp kim, kim loại màu sử dụng công nghiệp quốc phòng (vũ khí, trang bị).
2. Các công nghệ chế tạo vật liệu nano (nanoclay, nanoTiO₂, nano sinh học), vật liệu pomlyme-composite đặc biệt, hấp thụ (compozit sinh học, vật liệu phủ đặc biệt) phục vụ cho một số lĩnh vực công nghiệp và bảo vệ môi trường; vật liệu nhẹ dùng trong xây dựng...
3. Các loại vật liệu y-sinh trên cơ sở carbon, gốm y sinh, vật liệu chittosan.
4. Các ứng dụng vật liệu huỳnh quang, vật liệu tích trữ và biến đổi năng lượng (pin mặt trời hiệu suất cao, diốt phát sáng) và vật liệu điện tử và quang tử.

III. Lĩnh vực Công nghệ cơ khí và Tự động hóa

1. Công nghệ chế tạo một số sản phẩm cơ khí chủ yếu (thiết bị có giá thành trên 50%) trong dây chuyền sản xuất dầu khí, giấy, hóa chất, phân bón, thủy điện, thủy công;
2. Công nghệ chế tạo các chi tiết chính của ô tô; thiết bị trên tàu và thiết bị nâng hạ cho đóng tàu, tàu chuyên dụng phục vụ an ninh quốc phòng và dầu khí; máy và trạm biến áp điện từ 220 KV trở lên; Đúc rèn phôi thép hợp kim cao. Các loại khuôn mẫu có độ chính xác và độ bền cao.
3. Các công nghệ chế tạo một số sản phẩm cơ điện tử: Máy công cụ điều khiển số (CNC) và các dao cụ. Một số loại robot; Ô tô điện; Các chi tiết chính cho chế tạo robot và máy CNC.
4. Công nghệ chế tạo các thiết bị và hệ thống tự động hóa chủ yếu trong lĩnh vực khai thác và chế biến dầu khí, sản xuất và truyền tải điện, tiết kiệm năng lượng, sản xuất thực phẩm, dược phẩm, chế tạo máy nông nghiệp, đóng tàu, giao thông, khai thác mỏ, an ninh quốc phòng, thiết bị y tế kỹ thuật số có nhu cầu cấp bách cho tuyến huyện và tuyến tỉnh.
5. Phần mềm nền và chip chuyên dụng trong hệ thống tự động.

IV. Lĩnh vực công nghệ sinh học

1. Các hệ gen và công nghệ chuyển gen:
 - Tạo các dòng cây chuyển gen (sắn, lúa, ngô, mía, đậu tương);
 - Hệ thống marker phân tử phục vụ nông nghiệp và y tế;
 - Công nghệ bất hoạt gen tạo dòng cây kháng vi rút (cam, lúa);
 - Chẩn đoán và điều trị bệnh bằng kỹ thuật gen;
 - Giải trình tự gen: giải mã một số đối tượng cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao (lúa, cà phê, tôm sú).
2. Các hệ protein và sản xuất protein, vắc-xin tái tổ hợp:
 - Các protein tái tổ hợp phục vụ chẩn đoán, điều trị bệnh ở người, vật nuôi, cây trồng;
 - Các quy trình công nghệ chế tạo vắc-xin thế hệ mới (tái tổ hợp) phòng chống dịch bệnh nguy hiểm và bệnh mới phát sinh trên động vật và ở người;
3. Công nghệ vi sinh sản xuất các sản phẩm sinh học, công nghệ định hướng phát triển công nghiệp sinh học;
4. Công nghệ tế bào: Công nghệ tiên tiến nhân nhanh giống cây trồng qui mô công nghiệp và nhân sinh khối cây dược liệu quý phục vụ công nghiệp dược.

V. Lĩnh vực công nghệ năng lượng mới

1. Công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử:

- Công nghệ lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ và các hệ thống thiết bị có liên quan của đảo hạt nhân trong nhà máy điện hạt nhân, an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ, công nghệ sản xuất urani kỹ thuật từ quặng Việt Nam, công nghệ chế tạo viên gốm UO₂ phục vụ tiếp thu và nhập khẩu công nghệ chế tạo nhiên liệu hạt nhân, công nghệ vật liệu lò phản ứng, công nghệ xử lý và quản lý chất thải phóng xạ;

- Các kỹ thuật hạt nhân và đồng vị đánh dấu trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tạo giống cây trồng, tối ưu quy trình canh tác, xử lý sâu bệnh hại cây trồng vật nuôi, bảo quản lương thực thực phẩm và tối ưu quá trình sản xuất trong các ngành công nghiệp.

- Các đồng vị và dược chất phóng xạ mới, chế tạo được một số thiết bị bức xạ, kỹ thuật hạt nhân.

2. Các công nghệ khai thác nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo: Các công nghệ và thiết bị khai thác nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, gió, sinh học, địa nhiệt, sóng biển); Các công nghệ tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng;

3. Công nghệ chế tạo các thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả trong các khâu sản xuất, truyền tải và tiêu thụ nguồn năng lượng truyền thống (giải pháp quản lý, công nghệ, thiết bị).

VI. Lĩnh vực công nghệ bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản

1. Công nghệ tiên tiến và giải pháp phù hợp nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch

- Nông sản: lúa, ngô, sắn, cà phê;

- Thủy sản: thủy sản đánh bắt xa bờ.

2. Công nghệ tiên tiến và giải pháp phù hợp để chế biến và đa dạng hóa các mặt hàng nông-lâm-thủy sản và dược liệu:

- Nông sản: Chế biến tinh, chế biến sâu, chế biến các phế phụ phẩm nông nghiệp thành các sản phẩm có giá trị kinh tế...;

- Thủy sản: chế biến các sản phẩm từ thủy sản đánh bắt và thủy sản nuôi;

- Gia súc, gia cầm: Chế biến các sản phẩm từ gia cầm và vật nuôi;

- Dược liệu: Chế biến, sản xuất một số thực phẩm chức năng để tăng cường sức khỏe và hỗ trợ điều trị bệnh.

3. Công nghệ sản xuất một số mặt hàng đặc sản truyền thống theo hướng công nghiệp:

VII. Lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

1. Công nghệ dự báo một số dạng thiên tai nguy hiểm thường xảy ra ở Việt Nam với các hạn dự báo phù hợp cảnh báo sớm với độ chính xác cao (tập trung cho các đối tượng : bão, lũ lụt, lũ quét miền Trung; hạn hán khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên).

2. Những vấn đề liên quan đến đánh giá rủi ro và chu trình quản lý rủi ro thiên tai (tập trung cho khu vực miền núi phía Bắc, nơi có các bậc thang thủy điện Sơn La, Hoà Bình; khu vực miền Trung, nơi có nhiều nhà máy thủy điện vừa và nhỏ).
3. Công nghệ và kỹ thuật mới áp dụng cho các công trình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai để nâng cao hiệu quả, độ bền và phù hợp với điều kiện kinh tế - kỹ thuật của Việt Nam (tập trung vào các giải pháp công nghệ bảo vệ bờ sông, bờ biển; công nghệ mới gia cố đê; giải pháp khoa học công nghệ giảm thiểu các tác động bất lợi tới dân sinh, kinh tế, xã hội do ảnh hưởng của việc vận hành các hồ chứa thủy điện ở thượng nguồn tới chế độ dòng chảy - lòng dẫn vùng hạ du).
4. Công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam để xử lý ô nhiễm môi trường kết hợp với tận dụng chất thải (tập trung cho 02 đối tượng : chất thải các trang trại chăn nuôi; rác thải sinh hoạt cho đô thị loại nhỏ).

VIII. Lĩnh vực Khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

1. Công nghệ tiên tiến sản xuất một số vắc xin thể hệ mới.
2. Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị:
 - Các kỹ thuật tiên tiến sàng lọc và chẩn đoán sớm một số bệnh, tật;
 - Các kỹ thuật ghép tạng;
 - Các kỹ thuật ít xâm lấn trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tật;
 - Các kỹ thuật Y học hạt nhân trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tật.
3. Công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc hóa dược đảm bảo chất lượng tương đương với thuốc nhập khẩu cùng loại chất lượng cao: công nghệ nano, bom thẩm thấu, vi nhũ tương ...
4. Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất chế phẩm từ dược liệu trong nước đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế: chiết xuất siêu âm, chiết xuất bằng carbonic siêu tới hạn, sắc ký lỏng hiệu năng cao...

Phụ lục 02

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀM NĂNG VÀ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀM NĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1218/QĐ-BKHHCN ngày 9 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thí điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng)

I. TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH CÁC NHIỆM VỤ TIỀM NĂNG

1. Đề xuất các nhiệm vụ tiềm năng: Căn cứ vào Danh mục nội dung trọng tâm theo các lĩnh vực nghiên cứu quy định tại Phụ lục 01 của Quyết định này, cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu của các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường đại học, học viện, trường cao đẳng, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ tiềm năng.

2. Thành lập các Hội đồng Khoa học và Công nghệ theo các nội dung và lĩnh vực nghiên cứu đề tư vấn xác định nhiệm vụ tiềm năng.

Tiêu chí đánh giá xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ tiềm năng.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ tiềm năng và nguồn kinh phí dành cho các nhiệm vụ tiềm năng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt Danh mục nhiệm vụ tiềm năng.

4. Thông báo Danh mục nhiệm vụ tiềm năng đã được phê duyệt.

II. TỔ CHỨC XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TIỀM NĂNG

1. Chuẩn bị thuyết minh nhiệm vụ tiềm năng:

Cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu có các đề xuất trong Danh mục nhiệm vụ tiềm năng đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt được thông báo chuẩn bị thuyết minh nhiệm vụ để xét chọn.

2. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ tiềm năng.

Tiêu chí xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng được quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Hoàn thiện Thuyết minh nhiệm vụ.

Tổ chức, cá nhân được Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn đề nghị trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ tiềm năng có trách nhiệm chính

sửa, hoàn thiện Thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng và dự toán kinh phí. Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ tiềm năng không chỉnh sửa, hoàn thiện Thuyết minh đề tài theo Kết luận của Hội đồng sẽ bị huỷ kết quả xét chọn.

4. Phê duyệt kết quả xét chọn.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ tiềm năng.

5. Thông báo kết quả xét chọn tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ tiềm năng.

Phụ lục 03

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ TIỀM NĂNG, ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TIỀM NĂNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1218/QĐ-BKH-CN ngày 9 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thí điểm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng)

I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ TIỀM NĂNG

1. Tính cấp thiết của những vấn đề dự kiến thực hiện trong đề xuất.
2. Tính mới: nội dung nghiên cứu hoặc sản phẩm dự kiến tạo ra chưa được giải quyết trong sản xuất và đời sống,
3. Tính sáng tạo và độc đáo: nội dung nghiên cứu hoặc các sản phẩm dự kiến tạo ra thể hiện được tính sáng tạo và độc đáo so với những phương pháp hoặc sản phẩm đã có,
4. Tính ứng dụng hoặc khả năng phát triển tiếp của các sản phẩm dự kiến tạo ra, thể hiện ở một trong những nội dung sau:
 - Kết quả nghiên cứu có khả năng chuyển giao cho sản xuất hoặc thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ,
 - Kết quả nghiên cứu có thể tạo ra sản phẩm (công nghệ) qui mô phòng thí nghiệm,
 - Kết quả nghiên cứu có thể khẳng định được hướng công nghệ hoặc làm cơ sở để hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết được các vấn đề nghiên cứu trọng tâm thuộc các chương trình nhà nước (chương trình khoa học công nghệ trọng điểm, chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, chương trình đổi mới công nghệ v.v),
5. Sự hợp lý trong việc đặt ra mục tiêu, nội dung thời gian nghiên cứu.
6. Các tiêu chí sẽ được đánh giá theo 3 mức: thấp, trung bình và cao. Đề xuất được xếp vào loại “tiềm năng” nếu cả 5 tiêu chí trên đều được đánh giá ở mức “trung bình” trở lên.

II. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TIỀM NĂNG

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>
1. Tính cấp thiết của các vấn đề cần thực hiện	<u>5</u>
2. Mục tiêu (phù hợp, rõ ràng)	<u>5</u>
3. Tính mới	<u>10</u>
a) Trong các nội dung và phương pháp nghiên cứu	5
b) Trong các sản phẩm dự kiến	5
4. Tính sáng tạo và độc đáo	<u>10</u>
a) Trong các nội dung và phương pháp nghiên cứu	5
b) Trong các sản phẩm dự kiến	5
5. Tính ứng dụng hoặc khả năng phát triển tiếp của các sản phẩm tạo ra thể hiện ở một trong 3 nội dung sau:	<u>15</u>
a) Có khả năng chuyển giao cho sản xuất hoặc thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ sản phẩm tạo ra	15
b) Hoặc sản phẩm dự kiến đạt quy mô phòng thí nghiệm	10
c) Hoặc sản phẩm dự kiến có thể khẳng định được hướng công nghệ hoặc tạo cơ sở để hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết được các vấn đề nghiên cứu trọng tâm thuộc các chương trình nhà nước (chương trình khoa học công nghệ trọng điểm, chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, chương trình đổi mới công nghệ v.v)	5
6. Sự hợp lý trong việc đặt ra mục tiêu, nội dung nghiên cứu với thời gian kinh phí dự kiến	<u>5</u>
7. Tính khả thi của phương án thực hiện và kế hoạch thực hiện	<u>5</u>
8. Khả năng phối hợp nghiên cứu (trong nhóm nghiên cứu hoặc với các tổ chức khác)	<u>5</u>
Tổng cộng	<u>60</u>

Thuyết minh được đánh giá ở mức “đạt” khi có tổng số điểm được đánh giá ở mức tối thiểu là 30 trong đó điểm của các tiêu chí 5 phải đạt tối thiểu 05 điểm.